

Bản án số:41/2019/HS-ST
Ngày 29-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Bùi Thị Hà.

2/ Bà Nguyễn Thị Hoài Bảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: ông Phạm Quang Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2019/TLST-HS, ngày 28 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST- HS, ngày 15 tháng 7 năm 2019; đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phan Sỹ T; tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 28 tháng 05 năm 1993, tại tỉnh N;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn , xã P, huyện K, tỉnh Đ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông;

Họ và tên cha: Phan Sỹ T, sinh năm 1969; Họ và tên mẹ: Phạm Thị Oanh, sinh năm 1973, hiện cùng sinh sống tại Thôn , xã P, huyện K, tỉnh Đ;

Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con lớn trong gia đình.

Bị cáo chưa có vợ, nhưng đã có một thời gian sống chung như vợ chồng với chị Dương Thị S, sinh năm 1992, trú tại thôn 9, xã E, huyện K, tỉnh Đ và có 01 con chung, sinh năm 2018.

Tiền sự: không; Tiền án: 01 (đã được xóa án tích). Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2015/HSST, ngày 26 tháng 05 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đ xử phạt 09 (chín) tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 01 tháng 01 năm 2016 chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân: Từ nhỏ được cha mẹ nuôi ăn học tại thôn , xã P, huyện K, tỉnh Đ, học hết lớp 12/12 ở nhà phụ giúp gia đình. Ngày 26 tháng 05 năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đ xử phạt 09 (chín) tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 01 tháng 01 năm 2016 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 25 tháng 03 năm 2018 thực hiện hành vi “*Trộm cắp tài sản*” tại thôn A, xã E, huyện C, sau đó bỏ trốn. Ngày 27 tháng 12 năm 2018 thực hiện hành vi “*Cướp giật tài sản*”. Ngày 04 tháng 03 năm 2019 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, khởi tố về tội “*Cướp giật tài sản*”. Ngày 16 tháng 04 năm 2019 bị Tòa án nhân dân Huyện C, tỉnh Đ xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” thực hiện ngày 25 tháng 03 năm 2018, tại Nhà giữ Công an huyện C, tỉnh Đ – *Có mặt tại phiên tòa.*

2. Họ và tên: Nguyễn T H; tên gọi khác: Không;
Sinh ngày 24 tháng 02 năm 1992, tại tỉnh Bình Định;
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn , xã P, Huyện K, tỉnh Đ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông;
Họ và tên cha: Nguyễn Đình T, sinh năm 1957; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1957, cùng sinh sống tại Thôn , xã P, Huyện K, tỉnh Đ;
Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình.
Bị cáo chưa có vợ con.
Tiền sự: không; Tiền án: không.

Nhân thân: Từ nhỏ được cha mẹ nuôi ăn học tại Thôn , xã P, Huyện K, tỉnh Đ; học hết lớp 12/12 thì nghỉ học, ở nhà phụ giúp gia đình. Ngày 27 tháng 12 năm 2018 thực hiện hành vi “*Cướp giật tài sản*”. Ngày 03 tháng 01 năm 2019 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện CuM’gar, khởi tố về tội “*Cướp giật tài sản*” và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Đ. *Có mặt tại phiên tòa.*

*** Người bị hại:**

1. Bà Nguyễn Thị T, Sinh năm 1970 – *Có mặt.*
Trú tại: Buôn t, xã E, Huyện C, tỉnh Đ.
2. Ông Phạm T T, Sinh năm 1974 – *Có mặt.*
Địa chỉ: Buôn S, xã E, Huyện C, tỉnh Đ.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Đình Đ, Sinh năm 1987 – *Có mặt*
Trú tại: Thôn , xã P, Huyện K, tỉnh Đ
2. Anh Nguyễn Đình Tiến, Sinh năm 1982 – *Vắng mặt*

Trú tại: Thôn , xã P, Hện K, tỉnh Đ

*** Người làm chứng:**

1. Anh Y N, sinh năm 1979 – *Có mặt.*

2. Anh Phạm T T, sinh năm, 2005- *Vắng mặt*

Người giám hộ cho anh Thuận là bà Nguyễn Thị P(*mẹ ruột*) – *Vắng mặt.*

Cùng trú tại: Buôn S, xã E, Hện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối 26 tháng 12 năm 2018, Phan Sỹ T chuẩn bị các công cụ, trang phục gồm: 01 gậy ba khúc, 01 bình xịt hơi cay, 01 con dao bấm, 01 tuốc nơ vít, 01 cuộn băng keo màu đen, 01 mũ len rồi bỏ tất cả vào trong 01 túi xách màu đen có dây đeo. Ngày 27 tháng 12 năm 2018, T rủ Nguyễn Thanh H cùng đi trộm cắp tài sản thì H đồng ý. H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47U1–011.55 chở T đi vào khu vực dân cư sinh sống thuộc Hện K. Khoảng 04 giờ sáng, ngày 27 tháng 12 năm 2018, T nói H chở T đến địa bàn xã C và xã E, huyện C tìm tài sản để trộm cắp nhưng không trộm cắp được tài sản. Đến khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 12 năm 2018, T và H đi theo hướng từ xã C về xã E để rẽ về hướng phường B, thị xã B. Khi đi đến địa phận buôn S, xã E thì T phát hiện chị Nguyễn Thị Thanh T đang đỗ xăng tại cây xăng Điểm T và chị T có đeo túi xách bên người nên nói H dừng xe lại để chờ chị T đi ngang qua thì đuổi theo để giật túi xách của chị Tuyền. Nghe T nói vậy thì H đồng ý. Sau khi đỗ xăng xong, chị T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47H1–140.98 đi trên đường Tỉnh lộ 8, theo hướng từ xã E về xã E. Khi chị T đi ngang qua nơi T và H đang đứng chờ thì T nói H điều khiển xe đuổi theo để T ngồi phía sau giật túi xách. Đuổi theo được khoảng 150m thì H điều khiển xe áp sát xe chị T, T ngồi phía sau giật túi xách, H tăng ga bỏ chạy về phía trước. Bị giật túi xách, chị T hét to “*cướp, cướp*” đồng thời dùng xe mô tô đuổi theo. H điều khiển xe bỏ chạy về hướng phường B, thị xã B, vừa chạy T vừa lục túi xách của chị T lấy tiền ra bỏ vào túi quần của T. Khi chị T đuổi theo thì có anh Phạm Thanh T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47B2–385.96 chở phía sau cháu Phạm Thanh T và anh Y N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47B1–358.78 cũng đuổi theo H và T. H và T điều khiển xe bỏ chạy đến địa phận buôn T, xã E thì xe bị hư nên dừng xe lại. H lấy 01 kìm ở giỏ xe để sửa xe, T lấy trong túi xách ra 01 cây gậy ba khúc để chống trả lại những người đuổi theo. Khi chị T điều khiển xe đến nơi thì T giơ gậy lên để đánh, thấy vậy, chị T thắng xe lại thì bị ngã ra đường. Lúc này anh Y N đến chỗ H đang sửa xe thì bị H cầm kìm đe dọa, cùng lúc đó anh T và cháu T đến thấy H dùng kìm đe dọa anh Y N nên anh T cầm 01 cây sắt dài 60cm, đường kính 03cm chạy lại thì H hô to “*tao giết hết, tao giết*

hết”. Lúc này, T phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 47B2–385.96 của anh T đang nổ máy thì nhanh chóng lấy xe đồng thời gọi H ngồi lên xe để T điều khiển chở H cùng tẩu thoát, để lại xe mô tô biển kiểm soát 47U1–011.55, 01 đôi dép hiệu Adidas, 01 cái kìm và 01 túi xách của chị T tại hiện trường. Khi T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47B2–385.96 chở H đến khu vực thuộc thôn K, xã C, Hện K thì xe hết xăng và sợ bị phát hiện nên T và H để xe vào bên trong bụi cỏ gần cổng nhà rẫy của anh Lê Anh D, thuộc địa phận thôn K, xã C, Hện K. Sau đó cả hai đi bộ khoảng 30m về hướng đồi thông, T vứt bỏ 01 mũ bảo hiểm, 01 mũ len, 01 áo khoác, 01 túi da (*bên trong có 01 tuốc nơ vít, 01 cuộn băng keo*), còn H vứt bỏ lại 01 mũ bảo hiểm. T lấy tiền cướp giật được của chị T đếm được số tiền 1.790.000 đồng (*Một triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*), T đưa cho H 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*). Sau đó T gọi taxi đi đến nhà nghỉ T, thị xã B. Trên đường đi T lấy lại của H 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) để trả tiền taxi. T vào nhà nghỉ Thủy Tiên còn H tiếp tục đi taxi lên đèo H để đón xe đi thành phố B lẫn trốn. Sau khi cướp giật được tài sản T và H đã tiêu xài hết toàn bộ số tiền nêu trên. Ngày 28 tháng 12 năm 2018 H đã đến Cơ quan Công an đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Đồng thời đã chỉ địa điểm nơi để lại các tang vật của vụ án để Cơ quan Công an thu giữ.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định định giá tài sản số 65/YCĐGTS, định giá xe mô tô biển kiểm soát 47B2–385.96. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08/KL–HĐĐGTS, ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Huyện C đã kết luận: 01 xe mô tô BKS 47B2–385.96, nhãn hiệu HONDA, số máy HC09E3016927, số khung RLHHC09064Y316378, giá trị còn lại 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*).

Tại bản Cáo trạng số 36/KT-VKS, ngày 27 tháng 6 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố các bị cáo Phan Sỹ T và Nguyễn Thanh H về tội “**Cướp giật tài sản**”, theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự (BLHS)

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo các bị cáo Phan Sỹ T và Nguyễn Thanh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đồng thời giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với các bị cáo Phan Sỹ T và Nguyễn Thanh H và đưa ra các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Phan Sỹ T và Nguyễn Thanh H phạm tội “**Cướp giật tài sản**”, theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

- *Áp dụng điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.*

Xử phạt: Phan Sỹ T mức án tù 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh H mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến đối đáp tranh luận gì, các bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Phan Sỹ T và Nguyễn Thanh H tại phiên tòa hôm nay về cơ bản là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người biết sự việc và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để khẳng định, vào khoảng 7 giờ 30 phút, ngày 27/12/2018, các bị cáo Phan Sỹ T và Nguyễn Thanh H đã thực hiện hành vi cướp giật 1.790.000 đồng (*Một triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*) của chị Nguyễn Thị Thanh T, sau đó trong quá trình tẩu thoát đến địa phận buôn T xã E, Hện C, tỉnh Đ, các bị cáo T và H tiếp tục thực hiện hành vi cướp giật thêm 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, màu sơn: Xanh, biển kiểm soát 47B2-385.96 của anh Phạm Thanh T. Tài sản mà các bị cáo cướp giật có tổng giá trị là 8.290.000 đồng (*Tám triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Hành vi trên đây của các bị cáo Phan Sỹ T và Nguyễn Thanh H đã phạm vào tội: “*Cướp giật tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự (BLHS).

*** Điều 171 BLHS sự quy định:**

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a)...

- d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;
đ) Hành hung để tẩu thoát;”

Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, không những đã chiếm đoạt trái phép tài sản của người bị hại mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo phải nhận thức được rằng; tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, thích hưởng thụ nhưng lười biếng lao động và vì động cơ vụ lợi nên các bị cáo Phan Sỹ T và Nguyễn Thanh H đã hai lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản có tổng giá trị 8.290.000 đồng (*Tám triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*) thì bị phát hiện xử lý cho nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Ngoài ra quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã dùng thủ đoạn nguy hiểm và hành hung lại những người truy đuổi nhằm mục đích tẩu thoát, cho nên các bị cáo phải chịu 02 tình tiết tăng nặng định khung, quy định tại điểm d, điểm đ Điều 171 BLHS. Vì vậy cần thiết phải áp dụng cho các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện tội phạm mang tính đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên tính chất, vai trò của từng bị cáo là có khác nhau. Vì vậy cần thiết phải phân hóa để áp dụng mức hình phạt sao cho phù hợp.

Đối với bị cáo Phan Sỹ T, bị cáo là người trực tiếp khởi xướng và rủ rê bị cáo Nguyễn Thanh H tham gia vào việc phạm tội, đồng thời bị cáo cũng là người chuẩn bị trước các công cụ (*01 gậy ba khúc, 01 bình xịt hơi cay, 01 con dao bấm, 01 tuốc nơ vít, 01 cuộn băng keo màu đen, 01 mũ len rồi bỏ tất cả vào trong 01 túi xách màu đen có dây đeo*) để phục vụ cho hành vi cướp giật tài sản. Quá trình thực hiện, bị cáo là người tích cực nhất và hai lần trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người bị hại. Sau khi bị truy đuổi bị cáo dùng hung khí nguy hiểm để tấn công, uy hiếp người bị hại và những người truy đuổi nhằm mục đích để tẩu thoát. Cho nên đối với bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc hơn so với bị cáo H.

Đối với bị cáo H, việc bị cáo phạm tội là do bị bị cáo T rủ rê, lôi kéo. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo H cũng chỉ là người giúp sức (*điều khiển xe chở T*) để bị cáo T trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản, cho nên mức án đối với bị cáo H là thấp hơn so với bị cáo T là phù hợp.

Về nhân thân; bị cáo T là người có nhân thân xấu, bị cáo từng có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản (*đã được xóa án tích*) và hiện bị cáo đang chấp hành 01 năm 06 tháng tù về tội “ *Trộm cắp tài sản*”, theo Bản án số 17/2019/HSST, ngày 16 tháng 04 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C. Bị cáo H là người có nhân thân tốt,

chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo H đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho người bị hại chị Tsố tiền 18.000.000 đồng và tại phiên tòa được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình bị cáo H là người có công với các mạng; các bị cáo T và bị cáo H sau khi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú. Do đó các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 BLHS; cụ thể điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 BLHS (*áp dụng đối với bị cáo T*); điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS (*đối với bị cáo H*) để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước. Đối với bị cáo H, do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do đó cần áp dụng quy định tại khoản 1 điều 54 BLHS để giảm nhẹ hình phạt và quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của BLHS cho bị cáo H là phù hợp.

*** Các biện pháp tư pháp:**

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Thanh H đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho người bị hại chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền 18.000.000 đồng (*đã nộp đủ*). Tại phiên tòa người bị hại chị T không yêu cầu bồi thường thêm về dân sự. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

- Về vật chứng của vụ án:

Chấp nhận ngày 25 tháng 01 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C trả lại lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 47B1–385.96 cho anh Phạm T Tú và ngày 8 tháng 03 năm 2019 trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 47U1–011.55 và 01 cái kìm cán được bọc bằng nhựa cho anh Nguyễn Đình Bộ là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 gậy ba khúc, 01 dao bấm, 01 bình xịt hơi cay, mà bị cáo T đã chuẩn bị trước khi thực hiện tội phạm. Trong quá trình tẩu thoát T đã vứt bỏ lại dọc đường, không xác định được vị trí, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không xử lý.

Tịch thu tiêu hủy đối với những vật chứng không có giá trị sử dụng là: 01 đôi dép hiệu Adidas, 01 túi xách màu đen, 01 mũ len xám, 01 áo khoác màu đen, 02 mũ bảo hiểm nón sơn màu đen, 01 cuộn băng keo, 01 tuốc nơ vít.

Cần truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 1.190.000 đồng là số tiền do bị cáo Phan Sỹ T phạm tội mà có.

Trong vụ án này, đối với anh Nguyễn Đình Bộ là người đã cho bị cáo Nguyễn Thanh H mượn và sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 47U1–011.55, nhưng anh B không biết việc H mượn xe để thực hiện hành vi phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không đề cập xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Phan Sỹ T và Nguyễn Thanh H phạm tội “**Cướp giật tài sản**”.

- *Áp dụng điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56; Điều 38 Bộ luật hình sự.*

1. Xử phạt: Phan Sỹ T **04 (bốn)** năm tù. Tổng hợp hình phạt **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng tù tại Bản án số 17/2019/HSST, ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ. Bị cáo Phan Sỹ T phải chịu hình phạt chung là **05 (năm)** năm **06 (sáu)** tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. (ngày 18/02/2019).

- *Áp dụng điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự.*

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh H **02 (hai)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2018. (ngày tạm giữ, tạm giam)

- *Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586; 590 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Ghi nhận gia đình bị cáo Nguyễn Thanh H tự nguyện bồi thường cho người bị hại chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền là 18.000.000 đồng (*đã nộp đủ*). Người bị hại chị Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu bồi thường thêm về dân sự.

- *Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:*

Chấp nhận ngày 25 tháng 01 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 47B1–385.96 cho anh Phạm Thanh T và ngày 8 tháng 03 năm 2019 trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 47U1–011.55 và 01 cái kìm cán được bọc bằng nhựa cho anh Nguyễn Đình B là chủ sở hữu hợp pháp.

Tịch thu tiêu hủy đối với những vật chứng không có giá trị sử dụng là: 01 đôi dép hiệu Adidas, 01 túi xách màu đen, 01 mũ len xám, 01 áo khoác màu đen, 02 mũ bảo hiểm nón sơn màu đen, 01 cuộn băng keo; 01 tuốc nơ vít (*các vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự Hện Cư M’gar*).

Truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 1.190.000 đồng là số tiền mà bị cáo Phan Sỹ T đã thu lợi bất chính từ việc phạm tội.

* **Về án phí hình sự sơ thẩm (HSST):** Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phan Sỹ T và Nguyễn Thanh H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp Đ;
- VKS Hện C;
- CA Hện C;
- T.H.A dân sự; T.H.A hình sự;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ; lưu VP.
- Vụ Giám đốc kiểm tra I – TANDTC;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Cảnh

